

Số: 312/BC-UBND

Khánh Sơn, ngày 07 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng năm 2018, các nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND HUYỆN

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy và HĐND huyện về nhiệm vụ năm 2018, UBND huyện đã kịp thời giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương chủ yếu các nhiệm vụ trọng tâm: Ổn định phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm chế tai nạn giao thông, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

UBND huyện đã chỉ đạo: Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tầng lớp nhân dân, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết huyện đảng bộ và nghị quyết HĐND đã thông qua.

Chỉ đạo tổ chức đón Tết nguyên đán vui tươi, an toàn tiết kiệm; tổ chức thực hiện nghiêm túc và kịp thời các chính sách, chế độ cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội.

Ủy ban nhân dân huyện cùng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung các giải pháp để ứng phó với cơn bão số 8, số 9 đồng thời khắc phục hậu quả sau bão.

Các phiên họp thường kỳ của UBND huyện được tổ chức nghiêm túc nhằm đánh giá thực chất tình hình kinh tế xã hội hàng tháng, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả. Ngoài ra UBND huyện tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề để quán triệt các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn để hoàn thành kế hoạch được giao; chuẩn bị các nội dung trình kỳ họp của HĐND huyện.

Trong năm 2018, UBND huyện đã tiếp nhận và xử lý 5.638 văn bản đến, ban hành 1.238 Quyết định, 146 Thông báo, 288 Báo cáo, 122 Kế hoạch và 1471 Công văn để chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp:

Giá trị sản xuất (GTSX) nông - lâm - thủy sản năm 2018 (tính theo giá trị so sánh năm 2010) đạt 168.251 triệu đồng bằng 97,12% KH, tăng 6,83% so cùng kỳ, (nông nghiệp đạt 150.116 triệu đồng; lâm nghiệp đạt 17.244 triệu đồng; thủy sản đạt 891 triệu đồng).

Về nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng năm 2018 toàn huyện đạt: 5.306 ha bằng 105,84% KH, tăng 5,84% so với cùng kỳ.

Cây hàng năm 2.032ha đạt 99,66% KH, giảm 8,8% so với cùng kỳ.

Cây lâu năm 3.274ha đạt 110,09% KH, tăng 17,56% so với cùng kỳ.

Tổng sản lượng cây trồng chủ lực năm 2018 như: Sầu riêng 2.836 tấn, mít 249 tấn, chôm chôm 120 tấn, măng cụt 17 tấn, quýt 23 tấn, chuối 5.772 tấn, bưởi 111 tấn và sản lượng cây công nghiệp: Cà phê 1.068 tấn, tiêu 102 tấn, điều 21 tấn.

Tổng sản lượng lương thực có hạt 4.555tấn đạt 94,89% KH, giảm 3.95% so với cùng kỳ, (Thóc 541 tấn, Ngô 4.014 tấn),

Nguyên nhân không đạt so với kế hoạch vì thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy chuyển đổi diện tích lúa nước sang trồng cây có giá trị kinh tế cao hơn. Diện tích cây ăn quả tăng chủ yếu do chuyển đổi từ diện tích lúa nước và diện tích cây hàng năm, lâu năm kém hiệu quả.

Về cơ cấu lại nông nghiệp: Hiện nay đang xây dựng kế hoạch triển khai cơ cấu lại nông nghiệp của huyện giai đoạn 2018-2020.

Về thực hiện Chương trình hành động của Huyện ủy chuyển đổi cây trồng từ cây lúa nước sang trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao đến nay sau 2,5 năm đã chuyển đổi được 101 ha lúa sang trồng cây có giá trị kinh tế cao hơn. Hiện tại diện tích lúa nước còn 45 ha.

Về triển khai kế hoạch chuyển đổi cây trồng theo quyết định 1609 (thay cho quyết định 661), tổ chức kiểm tra thực hiện năm 2017 và triển khai thực hiện năm 2018 cụ thể như sau:

Biểu tổng hợp diện tích các loại cây trồng chuyển đổi

STT	Thời gian thực hiện	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Sầu riêng (ha)	Chôm chôm (ha)	Bưởi da xanh (ha)	Mía tím (ha)
1	Năm 2017	216,29	112,43	29,7	56,8	17,36
2	Năm 2018	373,15	251,26	22,8	68,98	10,11
	Cộng	589,44	383,69	52,5	1255,78	27,47

Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm đến thời điểm nay có 180 con trâu, 4.863 con bò, 4.738 con heo và 32,3 ngàn con gia cầm. So cùng kỳ đàn trâu tăng 1,12%, đàn bò tăng 1,02%, đàn lợn giảm 0,52%, đàn gia cầm tăng 0,61 %

Về Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng sản xuất năm 2018 trên địa bàn huyện năm 2018 với tổng diện tích 145/138ha, đạt 105,07% kế hoạch tỉnh giao, đạt 48,33% KH HĐND huyện giao.

Nguyên nhân: Chỉ tiêu trồng rừng HĐND huyện giao cao so với chỉ tiêu tỉnh giao; hơn nữa Nhân dân đang tập trung trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn.

Trong năm khai thác keo 21.695 m³ giảm 1,27% so với cùng kỳ (chủ yếu là diện tích keo rừng trồng của nhân dân đến tuổi khai thác). Ước tỷ lệ che phủ rừng đạt 63,1 đạt 99,21% so KH.

2. Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ:

Sản xuất CN, TTCN: Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện (tính theo giá so sánh năm 2010) là 40.834 triệu đồng, đạt 97,27% KH, tăng 6,28% so với cùng kỳ (Trong đó giá trị sản xuất kinh tế nhà nước 311 triệu đồng, kinh tế ngoài nhà nước 5.887 triệu đồng, kinh tế cá thể 34.636 triệu đồng). Nguyên nhân không đạt tăng 10,73% so với cùng kỳ: Do cụm công nghiệp Sơn Bình chưa hình thành nên chưa kêu gọi đầu tư được, một số ngành nghề như mộc, sửa chữa giảm

Thương mại, dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bàn huyện năm 2018 đạt khoảng 163,480 triệu đồng đạt 100,75% KH, tăng 13,85% so với cùng kỳ. Trong đó thành phần kinh tế Nhà nước (Trung tâm DV-TM) đạt khoảng 13,08 tỷ đồng, thành phần kinh tế cá thể đạt khoảng 150,4 tỷ đồng.

3. Xây dựng cơ bản, giao thông – vận tải, khoa học công nghệ:

Về xây dựng cơ bản: Tổng nguồn vốn đầu tư ước thực hiện năm 2018 là 130.549 triệu đồng bằng 99,24% KH, trong đó nguồn vốn ngân sách huyện 54,051 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh 53.509 triệu đồng, nguồn ngân sách TW hỗ trợ là 22.989 triệu đồng. Một số công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng là: Khu sơ tán quân sự huyện; nhà làm việc Huyện Ủy Khánh Sơn; sửa chữa hệ thống nước xã Sơn Hiệp; nối tiếp đường Hòn Gầm đi thôn Suối me xã Ba Cùm Nam; Trụ sở UBND xã Thành Sơn; đường vào khu sản xuất thôn Hòn Dung đi Tà Gụ Sơn Hiệp; nâng cấp đường vào khu du lịch Tà Gụ; đường và cầu treo thôn Cam Khánh xã Sơn Lâm...; Các công trình chủ yếu đang tiếp tục thi công là: Khu tái định cư thôn Dốc Trầu xã Ba Cùm Bắc; Kè bờ suối Tà Lương (Thị trấn Tô Hạp); Bãi rác Hòn Dung huyện Khánh Sơn; Đập dâng Suối mã xã Sơn Lâm; đường Hai Bà Trưng (giai đoạn 2); xây dựng 04 phòng học trường tiểu học Sơn Lâm; Nâng cấp chợ huyện; Nâng cấp đường Lạc Long Quân (đoạn từ ngã ba TL9 đến nhà Ông Bính ở Thị trấn Tô Hạp); xây dựng quảng trường, công viên trước khu vực đài tưởng niệm; Trạm dừng chân đỉnh đèo; thác nước Cây Da xã Ba Cùm Bắc; Kè bảo vệ sông Tô Hạp đoạn đi qua thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Hiệp; Đập dâng hồ nước tạo cảnh quan thị trấn Tô Hạp; Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi huyện; sân vận động huyện Khánh Sơn.

Về giao thông-vận tải: Giá trị cước vận tải đạt 12.055 triệu đồng, đạt 145,51% so kế hoạch, trong đó:

- Vận tải hàng hóa: giá trị vận tải hàng hóa 9.958 triệu đồng, đạt 118% so kế hoạch; khối lượng vận chuyển hàng hóa 77,3 ngàn tấn; khối lượng luân chuyển 2.860 ngàn tấn/km.

- Vận tải hành khách: giá trị vận tải hành khách 2.094 triệu đồng, đạt 128% so kế hoạch, trong đó vận chuyển hành khách là 56,6 ngàn lượt người; luân chuyển hành khách 2.094 ngàn lượt hành khách/km luân chuyển.

Về khoa học công nghệ: Triển khai công tác đăng ký sáng kiến năm 2018 đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Triển khai đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trong năm 2019. Đồng thời, rà soát đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở đối với các đề tài đã nghiệm thu và công bố ứng dụng. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi bắt đầu thực hiện từ năm 2019 đến các cơ quan, UBND xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Triển khai các văn bản quy định về hoạt động khoa học và công nghệ do cơ quan Nhà nước ban hành.

4. Công tác Tài Nguyên – Môi trường, khoáng sản:

- *Về quản lý đất đai:* Tổ chức công bố, công khai và triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng, xây dựng hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt. Hoàn thành tốt nhiệm vụ Thống kê đất đai năm 2017; Thực hiện cập nhật, điều chỉnh kịp thời các chỉ tiêu sử dụng đất, bổ sung vào dự án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của huyện giai đoạn 2016 – 2020 từng bước hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tổng số 9 hồ sơ, diện tích 109.316,7 m². Chuyển mục đích sử dụng đất 26 trường hợp với tổng diện tích: 4.081 m². Thu hồi đất của 01 đơn vị để bổ sung cho 03 đơn vị đầu tư xây dựng, mở rộng trụ sở với tổng diện tích 1.945,3 m². Thu hồi 116.145,9 m² đất của các tổ chức, hộ gia đình để đầu tư các xây dựng 07 công trình trên địa bàn huyện.

Triển khai thực hiện hoàn thành Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 31/7/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn. Trong năm đã tiếp nhận trên phần mềm điện tử, liên thông một cửa là 936 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 934 hồ sơ đạt tỉ lệ 99,8%, hồ sơ trễ hạn là 02 hồ sơ chiếm tỉ lệ 0,2%. Đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn lập danh sách đất lâm nghiệp bóc tách, chuyển số liệu cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh xây dựng dự toán trình phê duyệt theo quy định. Dự kiến tiến hành thực hiện đo đạc từ đầu năm 2019.

- *Công tác bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu:* Tăng cường công tác tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường và các ngày hưởng ứng vì môi trường. Thường xuyên giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại bãi rác xã Sơn Trung và tình hình thực hiện xã hội hóa các mô hình thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tự quản tại các xã Ba Cạm Bắc, Sơn Hiệp, Sơn Bình và Sơn Lâm góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Về quản lý khoáng sản, tài nguyên nước: Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác giai đoạn 2017-2020; tăng cường quản lý khoáng sản cát, đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn huyện. Thực hiện hoàn thành trám lấp 19 giếng đào bỏ hoang không sử dụng trên địa bàn xã Ba Cạm Nam, Sơn Trung, Sơn Bình, Sơn Lâm và xã Thành Sơn. Hoàn thành kiểm tra về tình hình quản lý, sử dụng nguồn nước dưới đất trên địa bàn huyện.

5. Tài chính, tín dụng, Bru chính – viễn thông

Tài chính: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2018 là 12.998/9.360 triệu đồng, vượt 38,9% dự toán đầu năm, vượt 21,8% dự toán điều chỉnh.

Tổng thu ngân sách huyện ước thực hiện năm 2018 là 429.935 triệu đồng, vượt 62,8% dự toán đầu năm, vượt 55,4% dự toán điều chỉnh. Trong đó, thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 10.158 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 328.329 triệu đồng;

Tổng chi ngân sách huyện ước thực hiện là 354.163 triệu đồng, vượt 34,1% dự toán đầu năm, vượt 32,9% dự toán điều chỉnh; trong đó chi đầu tư là 69.654 triệu đồng tăng 123,9% KH, chi thường xuyên 210.255 triệu đồng đạt 96,6% KH;

Ngân hàng:

Ngân hàng chính sách xã hội: Đã thực hiện tốt công tác cho vay xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác. Doanh số cho vay 58.356 triệu đồng (tăng 4.065 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2017).

Doanh số thu nợ 32.395 triệu đồng; dư nợ cho vay là 167.275 triệu đồng, dư nợ tăng 26.083 triệu đồng tập trung vào các chương trình: cho vay hộ nghèo, cho vay hộ cận nghèo, cho vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, giải quyết việc làm và Chương trình sản xuất vùng khó khăn. Tỷ lệ nợ quá hạn còn 0,37%.

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT : Thực hiện cho vay phát triển sản xuất kinh doanh theo Nghị định số 55/NĐ-CP, cho vay tiêu dùng; tổng thu tiền mặt năm 2018 ước thực hiện 622.000 triệu đồng, tổng chi tiền mặt ước thực hiện là 624.000 triệu đồng, dư nợ cho vay 83.000 triệu đồng, tăng 12,2% so cùng kỳ năm 2017.

Ngành Bưu chính - Viễn thông: Tiếp tục duy trì, phát triển các dịch vụ viễn thông phục vụ cho nhu cầu, thông tin liên lạc trên địa bàn.

6. Giáo dục và Đào tạo

Kết thúc năm học 2017-2018 có 336/341 học sinh tốt nghiệp THCS (đạt tỷ lệ 98,53%); 505/528 HS hoàn thành chương trình tiểu học (đạt tỷ lệ 95,6%); 130/148 học sinh tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ 87,84%. Tính đến nay có 04 trường mầm non được công nhận đạt chuẩn Quốc gia (Trường Mầm non 1/6, Trường Mầm non Hoàng Oanh, Trường Mầm non Họa Mi, Trường Mầm non Sơn Ca). Số học sinh huy động đầu năm học 2018- 2019, gồm: Mầm non: 2.194 em; Tiểu học: 2.788 học sinh, trung học cơ sở: 1.889 học sinh và THPT: 213 học sinh. Tiếp tục triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục theo đúng tiến độ đã đề ra: duy trì đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì chuẩn xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS; tiếp tục triển khai thực hiện phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập bậc trung học.

7. Lao động - thương binh và xã hội

Công tác lao động - việc làm và dạy nghề:

Tổ chức điều tra thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động phân cung, cầu lao động huyện Khánh Sơn năm 2018. Qua điều tra toàn huyện có 3.464 hộ biến động và 3.136 hộ không biến động. Tổ chức cho lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng tính đến thời điểm hiện nay đã thực hiện được 8/5 người, đạt 160% kế hoạch.

Trong năm đã thực hiện đào tạo được 8 lớp dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg với tổng số học viên tham gia 231 học viên với tổng kinh phí thực hiện là 729,4 triệu đồng.

Tuyển mới giáo dục nghề nghiệp đạt 720/720 người đạt 100% kế hoạch. Số lao động có việc làm tăng thêm trong năm: 418/200 người, đạt tỷ lệ 209%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 66/50%, đạt tỷ lệ: 132%. Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động: 77/63,6%, đạt tỷ lệ 121%.

Công tác chăm lo cho đối tượng chính sách và thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

Thực hiện và giải quyết đầy đủ các chính sách cho người nghèo, các đối tượng BTXH trên địa bàn, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Trong năm đã thực hiện hỗ trợ được 1.493,75 triệu đồng cho các hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 trên địa bàn huyện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và từ các tổ chức từ thiện. Thực hiện cấp được hơn 11.500 thẻ BHYT cho các đối tượng là người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo và người đồng bào DTTS trên địa bàn huyện

Hoàn thành công tác điều tra hộ nghèo năm 2018 qua điều tra trên địa bàn huyện có 3.015 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 44,09%. Số hộ nghèo giảm trong năm là 220 hộ, tỷ lệ

giảm nghèo là 4,23%. Số hộ nghèo giảm trong năm 2018 đạt và vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết HĐND huyện giao 220/200 hộ, đạt tỷ lệ 110% kế hoạch.

Các đối tượng BTXH được chăm lo kịp thời. Đã tổ chức thăm và tặng quà cho các đối tượng BTXH trong năm 2018 với tổng số tiền 23,87 triệu đồng. Thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng BTXH với tổng số tiền trên 3,8 tỷ đồng. Trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng: 723/670 người, đạt tỷ lệ 107,9%. Rà soát các đối tượng BTXH có đủ điều kiện để tiếp nhận và đưa vào Trung tâm BTXH nuôi dưỡng. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho 142 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết nguyên đán 2018 với tổng số tiền 42,6 triệu đồng, Huy động quỹ Bảo trợ trẻ em được 46,44 triệu đồng. 100% xã thị trấn được công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 2018.

100% xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm.

Tổ chức lễ phát động tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2018. Thực hiện tốt công tác quản lý Khu nội trú, đảm bảo các em ở trong khu nội trú được ở sạch sẽ, gọn gàng. Thực hiện ăn chín, uống sôi.

Công tác đền ơn đáp nghĩa:

Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người có công với cách mạng như trợ cấp hàng tháng, trợ cấp mai táng phí, trợ cấp điều dưỡng tại nhà, hỗ trợ điều dưỡng tập trung... Trong năm đã thực hiện thăm hỏi và tặng quà cho các ĐTCS nhân dịp tết Nguyên đán 2018, ngày Quốc khánh (02/9), ngày Quốc tế lao động (01/5), ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7) với tổng số tiền 351,8 triệu đồng. Thực hiện chi trả trợ cấp cho người có công theo QĐ 290, QĐ 62, QĐ 49 với tổng số tiền 65 triệu đồng. Chi trả trợ cấp ưu đãi trong giáo dục và đào tạo cho học sinh sinh viên là con của thương binh, bệnh binh với số tiền 65 triệu đồng, chi trả trợ cấp điều dưỡng tại nhà cho 159 đối tượng chính sách với tổng số tiền 65,49 triệu đồng. Thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng chính sách trong năm 2018 với tổng số tiền 2.382,96 triệu đồng. 100% xã thị trấn được công nhận xã, thị trấn thực hiện tốt 6 chỉ tiêu về công tác thương binh, liệt sĩ và NCC với CM; 100% hộ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc khá hơn mức sống của dân nơi cư trú. Xây dựng quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” được 304/60 triệu đồng, đạt 506,7% kế hoạch. Xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa thực hiện 27/05 nhà đạt 540% kế hoạch.

8. Y tế: Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trong nhân dân; trong năm 2018 đã khám cho khoảng 52.040 lượt người, đạt 89,72% kế hoạch và điều trị nội trú cho 5.558 lượt bệnh nhân; phát hiện và điều trị kịp thời cho 07 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue, tăng 2 trường hợp so cùng kỳ năm 2017 và 171 trường hợp bệnh tay chân miệng; 08 trường hợp bệnh sốt rét; công suất sử dụng giường bệnh đạt 94,6%. Tổ chức khám sức khỏe tuyển sinh quân sự và khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2018 tại trạm Y tế các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Triển khai tiêm chủng vacxin phòng bệnh sởi – Rubella trên toàn huyện.

Công tác vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo, Triển khai tháng hành động vì chất lượng VSATTP năm 2018 trên địa bàn huyện, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, chế biến và sử dụng phụ gia thực phẩm, thực phẩm chức năng, kiểm tra 196 cơ sở, phát hiện 19 cơ sở vi phạm; Đoàn đã kịp thời nhắc nhở, xử lý các cơ sở vi phạm các quy định về VSATTP. Tổ chức 02 đợt thanh kiểm tra về dược phẩm, mỹ phẩm tại các cơ sở kinh doanh dược phẩm và các quầy tạp hóa, đã kiểm tra

15 cơ sở, trong đó có 06 cơ sở vi phạm và đã hủy tại chỗ các sản phẩm kém chất lượng, hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc.

9. Văn hoá thông tin -Thể thao- TT-TH

+ *Văn hóa thông tin – Thể thao*: Tập trung tuyên truyền và tổ chức các hoạt động VHVN-TDĐT để chào mừng các ngày lễ lớn, các nhiệm vụ chính trị của địa phương trong năm 2018,...Tham gia các giải thể thao do cấp tỉnh tổ chức và tổ chức cá giải thể thao trên địa bàn huyện gồm tổ chức 10 giải cấp huyện, tham gia 8 giải cấp tỉnh và đạt 9 HCV, 7HCB và 11HCD ...

Tổ chức thanh kiểm tra, xử lý vi phạm về văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa, đồng thời hướng dẫn chỉ đạo UBND các xã thị trấn tăng cường hoạt động kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn quản lý. Qua đó, đã kịp thời ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, đảm bảo các hoạt động văn hóa lành mạnh trên địa bàn toàn huyện.

-*Truyền thanh-Truyền hình*: Đài TT-TH huyện cũng đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền hàng tuần, tháng, quý. Nội dung tin bài phản ánh về thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, phản ánh các phong trào thi đua lao động sản xuất... Cùng với đó Đài TT-TH huyện đã cộng tác với 255/220 tin-bài phát trên sóng Đài Phát thanh-Truyền hình Khánh Hòa, đạt 115% kế hoạch. Duy trì lịch phát sóng 24 chương trình thời sự địa phương bằng 2 thứ tiếng (Việt và Raglai) vào thứ 2 hàng tuần trên sóng FM của đài huyện, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin và góp phần giữ gìn - phát huy bản sắc văn hoá của đồng bào dân tộc RagLai. Sản xuất 311/290 chương trình thời sự địa phương (gồm 1.355 tin và 311 bài) đạt 107% kế hoạch. Phát sóng 311/290 giờ trên sóng FM của Đài huyện đạt 107% kế hoạch.

10. Dân số - KHHGD: Tích cực tuyên truyền, vận động về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản đến các vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức 05 lớp truyền thông tại các trường trên địa bàn huyện để trang bị kỹ năng sống, kiến thức về bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản đã thu hút 750 học sinh về tham dự; tổ chức xây dựng 04 thôn không có người sinh con thứ 3; tư vấn 02 buổi với 423 người tham dự nhờ vậy số người sinh con thứ 3 giảm 1,04% so với cùng kỳ; mức giảm tỷ suất sinh -0,35 % đạt 100% kế hoạch. Triển khai thực hiện đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh, kết quả đạt được 325 người, đạt 108,3% kế hoạch; trong năm 2018 có 20 trường hợp tảo hôn, không có trường hợp hôn nhân cận huyết thống.

11. Hội chữ thập đỏ: Đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh; công tác cứu trợ nhân đạo cho người nghèo, người khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam; thực hiện tốt việc hỗ trợ chăm sóc sức khỏe nhân dân, hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học.

12. Công tác nội vụ, cải cách hành chính, tôn giáo, dân tộc

Công tác nội vụ: Giải quyết kịp thời các chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chế độ, chuyển ngạch và xếp lương cho 175 cán bộ, công chức, viên chức và 10 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP; giải quyết chế độ hưởng trợ cấp lần đầu theo Nghị định 116/2010/NĐ-CP cho 286 cán bộ, công chức và người lao động; giải quyết chế độ hưởng phụ cấp thâm niên cho 147 công chức, viên chức ngành Giáo dục theo Nghị định 54/2011/NĐ-CP. Quyết định điều động và bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Dân tộc; tiếp nhận và bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; bổ nhiệm chức danh

nghề nghiệp cho 01 viên chức thuộc ngành giáo dục; chuyển công tác cho 06 viên chức ngành Giáo dục; tạm đình chỉ công tác đối với 01 công chức.

Xây dựng Đề án sáp nhập Đài Truyền thanh – Truyền hình với Trung tâm Văn hóa – Thể thao thành Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao; Đề án tổ chức lại hoạt động của Ban Quản lý Công trình công cộng và Môi trường huyện Khánh Sơn thành Ban Quản lý Dịch vụ công ích huyện Khánh Sơn.

Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức huyện Khánh Sơn năm 2018, qua đó đã cử được 68 lượt người tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ năm 2018.

Công tác tôn giáo: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực tôn giáo. Rà soát, cập nhật số liệu, đánh giá thực trạng và xu hướng vận động, phát triển đạo Tin lành tại các địa phương, kịp thời nắm vững tình hình hoạt động tôn giáo trên địa bàn. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn quán triệt về nội dung sinh hoạt đạo Tin lành ngoài cơ sở thờ tự đúng với tinh thần quy định của pháp luật về hoạt động tôn giáo. Triển khai kế hoạch kiểm tra công tác tôn giáo năm 2018 tại 03 xã (Ba Cạm Bắc, Sơn Trung, Sơn Bình); Triển khai thực hiện các kế hoạch, chỉ thị của cấp trên về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo nhất là trong dịp lễ, hội liên quan đến tôn giáo.

Công tác cải cách hành chính: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Ban chỉ đạo, tổ giúp việc và Quy chế quản lý và thực hiện công tác cải cách hành chính của huyện. Xây dựng các kế hoạch để triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, tuyên truyền, nâng cao chỉ số cải cách hành chính; khảo sát thông tin về CCHC đối với CBCCVN trên địa bàn huyện năm 2018. Đồng thời thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy hành chính từ huyện đến cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính kịp thời theo quy định cho tổ chức và công dân. Tổ chức triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm và chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính, nghiêm khắc chấn chỉnh những cơ quan, đơn vị có hồ sơ trễ hẹn;

Phối hợp với Phòng Cải cách hành chính - Sở Nội vụ tổ chức Hội nghị tập huấn công tác cải cách hành chính năm 2018; Tổ chức tập huấn phần mềm một cửa cho công chức kiểm soát thủ tục hành chính của các xã, thị trấn. Triển khai kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018 tại 12 cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, đồng thời chấn chỉnh, khắc phục hạn chế sau kiểm tra cải cách hành chính. Triển khai chấm điểm CCHC với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn...

Công tác dân tộc: Thực hiện Chương trình hỗ trợ trực tiếp theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg cho người dân thuộc hộ nghèo DTTS với tổng kinh phí 1.208,04 triệu đồng. Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất theo Quyết định 3347/QĐ-UBND với 80 hộ nghèo và cận nghèo tham gia, tổng kinh phí thực hiện là 957,6 triệu đồng; nhờ đó đồng bào đã hăng hái đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư chăm sóc cây trồng, vật nuôi, đời sống ngày một ổn định hơn... Đồng thời thực hiện tốt các chương trình xây dựng nhân rộng mô hình phát triển sản xuất mới, chương trình tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho ĐB DTTS, chính sách đối với người có uy tín trong ĐB DTTS và các chính sách an sinh xã hội..

13. Công tác tư pháp, thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác tư pháp: Tiến hành rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Thực hiện đăng ký khai sinh 543 trường hợp, khai tử 105 trường hợp, ký kết hôn 218 trường

hợp, cải chính hộ tịch 9 trường hợp, bổ sung hộ tịch 30 trường hợp, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 209 trường hợp. Thực hiện chứng thực 21.783 bản sao, 162 trường hợp chứng thực chữ ký, 383 trường hợp chứng thực hợp đồng giao dịch, tất cả đều được thực hiện đúng quy định pháp luật, hồ sơ được giải quyết sớm và đúng hẹn, không có trường hợp nào trễ hẹn.

Tổ chức 10 lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến các văn bản Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành luật cho khoảng hơn 400 lượt người tham dự, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân.

Công tác thanh tra: Đã tiến hành 04 cuộc thanh tra, trong đó : 01 cuộc thanh tra Kinh tế xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, 02 cuộc thanh tra về công tác phòng chống tham nhũng, 01 cuộc thanh tra về trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã về giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đến nay đã hoàn thành và ban hành kết luận 04/04 cuộc, đạt 100% kế hoạch.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Bộ phận tiếp công dân đã tiếp 15 lượt công dân, tiếp nhận và giải quyết 41 đơn, thư khiếu nại, tố cáo; trong đó 22 đơn kiến nghị, khiếu nại và 19 đơn tố cáo. Qua giải quyết đơn thư và tiếp công dân, đã giải thích, hướng dẫn cho công dân hiểu rõ về các quy định của Luật khiếu nại, tố cáo và các chế độ chính sách của Nhà nước.

14. Quốc phòng và An ninh

Quốc phòng: Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các mệnh lệnh, chỉ thị sẵn sàng chiến đấu, tổ chức kiểm tra, kiểm soát nắm chắc tình hình an ninh chính trị trên địa bàn, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2018, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch. Tổ chức thành công diễn tập phòng thủ PT18 huyện Khánh Sơn và diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Sơn Trung và Ba Cùm Nam; Chuẩn bị công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2019 đúng số lượng, chất lượng quy định...

An ninh : Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định; công tác tấn công, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, phòng chống cháy nổ được tăng cường. Từ đầu năm đến nay, phạm pháp hình sự xảy ra 06 vụ (*giảm 01 vụ so với năm 2017*), đã điều tra làm rõ 06/06 vụ. Phát hiện bắt giữ 08 vụ về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép so với cùng kỳ năm 2017 (*giảm 05 vụ so với năm 2017*), thu giữ 10,413m³ gỗ, tạm giữ 01 xe ô tô, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 07 đối tượng với số tiền 34,5 triệu đồng.

Tình hình trật tự ATGT: Xảy ra 02 vụ TNGT nghiêm trọng, làm chết 02 người, bị thương 02 người (*giảm 02 người chết và 01 người bị thương so với cùng kỳ năm 2017*). Công tác tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông, lực lượng cảnh sát giao thông đã tăng cường tổ chức tuần tra kiểm soát trên các tuyến, địa bàn trọng điểm phát hiện 809 trường hợp vi phạm (*giảm 264 trường hợp so với năm 2017*), xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 191,065 triệu đồng.

III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

1. Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới

1.1 Công tác tuyên truyền: Trong năm 2018 đã đưa 52 tin, 10 bài có nội dung tuyên truyền về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Phối hợp với các hội, đoàn thể tập trung tuyên truyền về Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn theo Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 7/6/2018 của UBND tỉnh để nhân dân được tiếp cận và hiểu rõ hơn về chính sách. Tuyên truyền vận động

nhân dân chung tay xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền Luật bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc giữ gìn vệ sinh chung, với 300 lượt đoàn viên thanh niên và nhân dân tham gia, tuyên truyền bằng pano, băng rôn.

1.2 Công tác đào tạo tập huấn: Đã cử 41 lượt cán bộ cấp huyện, xã tham gia 03 lớp tập huấn do Văn Phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức.

1.3 Hỗ trợ phát triển sản xuất:

Trong năm 2018 tổng nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn trên địa bàn huyện là: 28.295 triệu đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 11.831 triệu đồng; dân đóng góp 16.464 triệu đồng. Diện tích hỗ trợ là 373.15ha cho 756 hộ tham gia thực hiện.

UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện của các hộ chuyên đổi cây trồng, cấp giống, phân bón, thuốc BVTV và hệ thống tưới cho người dân đúng với chính sách hỗ trợ.

1.4 .Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu: Năm 2018 xây dựng 3 công trình: Sửa chữa hệ thống nước xã Sơn Hiệp 1.850 triệu đồng; xây dựng Trụ sở xã Thành Sơn 6.200 triệu đồng; xây dựng Đập dâng Suối Mả 1.000 triệu đồng. Tổng cộng 9.050 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách tỉnh: 6.400 triệu đồng, ngân sách huyện: 1.650 triệu đồng.

1.5. Hiện trạng đạt tiêu chí nông thôn mới

Kết quả các tiêu chí đạt đến cuối năm 2018 cụ thể như sau: 01 xã đạt 15 tiêu chí (xã Sơn Bình), 01 xã đạt 13 tiêu chí (xã Sơn Hiệp), 02 xã đạt 11 tiêu chí (xã Ba Cạm Bắc, xã Sơn Lâm)., 01 xã đạt 10 tiêu chí (xã Sơn Trung), 01 xã đạt 9 tiêu chí (xã Ba Cạm Nam) và 01 xã đạt 8 tiêu chí (xã Thành Sơn).

2. Chương trình Phát triển hệ thống đô thị

Năm 2018 được đầu tư 02 dự án: Đường D9 và Kè bảo vệ bờ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Hiệp.

Hiện nay dự án Đường D9 đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên do nguồn vốn năm 2018 tỉnh không bổ sung và công tác bồi thường GPMB chậm nên công trình vẫn chưa triển khai thi công. Riêng dự án Kè bảo vệ bờ sông Tô Hạp đoạn qua thị trấn Tô Hạp và xã Sơn Hiệp năm 2018 ngân sách tỉnh phân bổ 2.000 triệu đồng và ngân sách Trung ương hỗ trợ 15.000 triệu đồng. Hiện nay công trình đang trong quá trình khẩn trương thi công, ước cuối năm thực hiện giải ngân thanh toán 100% kế hoạch.

3. Chương trình phát triển KT-XH vùng ĐBDT thiếu số và miền núi

3.1. Chính sách hỗ trợ trực tiếp theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số đối tượng thụ hưởng: 12.973 khẩu/3.235 hộ với kinh phí đã thực hiện là 1.208,04 triệu đồng đã đem lại cho các hộ dân nghèo bớt khó khăn về kinh phí mua giống; phân bón; thuốc trừ sâu trong quá trình sản xuất phát triển kinh tế gia đình.

3.2. Chính sách vay vốn phát triển sản xuất: Tổng số hộ có nhu cầu vay vốn năm 2018 là 70 hộ với số vốn vay 1.400 triệu đồng (20 triệu đồng / hộ).

3.3. Chính sách hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất theo Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Năm 2018 đã phê duyệt 80 hộ tham gia chương trình xây dựng và nhân rộng mô hình phát triển kinh tế hộ, với kinh phí đã giải ngân: 957,6 triệu đồng. Các mô hình đầu tư xây dựng năm 2018 hiện đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản, ngoại trừ một số hộ

trồng mía tím đã ứng vốn từ đầu năm; một số hộ chăn nuôi heo phát triển tốt. Nhìn chung việc chấp hành chế độ, chính sách của các đối tượng thụ hưởng tương đối tốt, biết cách đầu tư và chăm sóc cây trồng, vật nuôi đảm bảo yêu cầu của chương trình.

3.4. Chính sách tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho đồng bào DTTS: Trong năm đã mở 8 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức hiểu biết pháp luật cho đồng bào DTTS trên địa bàn huyện với tổng số học viên tham dự: 480 học viên; đã giải ngân: 60 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch giao.

3.5. Chính sách tuyên truyền về chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Đã triển khai và tổ chức thực hiện được 8 lớp tại các xã và thị trấn trên địa bàn huyện, phương pháp và hình thức tuyên truyền phù hợp với trình độ nhận thức của đối tượng được tuyên truyền.

3.6. Chính sách đối với người có uy tín: Tổng số người uy tín được UBND tỉnh Quyết định công nhận là 30 người; trong năm đã hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần cho 30 đối tượng với mỗi suất quà có giá trị 0,4 triệu đồng nhân dịp tết Nguyên đán 2018 với tổng số tiền là 12 triệu đồng.

3.7. Chính sách an sinh – xã hội: Hỗ trợ lắp đặt hệ thống nước sạch sinh hoạt vào hộ gia đình cho 300 hộ với định mức 1,5 triệu đồng/hộ, với kinh phí thực hiện là 450 triệu đồng. Hỗ trợ khoan 05 giếng và xây 05 bể chứa lắng lọc với tổng kinh phí thực hiện là 1.250 triệu đồng.

Qua triển khai thực hiện các chính sách, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể, góp phần tăng nguồn thu nhập cho người dân trên đại bàn huyện. Từ những mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng; kinh tế hộ gia đình của người đồng bào thiểu số bước đầu đã cho thu nhập cao hơn những năm trước, người dân đã biết tích lũy và mua sắm trang thiết bị phục sản xuất, vật dụng trong gia đình góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững tại địa phương.

4. Chương trình phát triển nguồn nhân lực

4.1 Về công tác cán bộ: Thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016- 2020, UBND huyện Khánh Sơn phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện bồi dưỡng lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước chương trình cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp Trưởng, Phó phòng; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đối tượng 3; cử cán bộ, công chức xã bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo Đề án 1956.

4.2 Về đầu tư cơ sở hạ tầng: Trong năm đã bố trí vốn trả nợ công trình Trường Tiểu học Sơn Bình giai đoạn 2 với tổng kinh phí 325 triệu đồng; Trường Tiểu học Ba Cạm Bắc (Điểm Dốc Trầu) giai đoạn 2 với tổng kinh phí 2.386 triệu đồng. Đến nay các công trình đã hoàn thành giải ngân đạt 100% kế hoạch.

IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN TRONG NĂM 2018

1. Đề án Khoanh nuôi và phát triển cây lồ ô

- Tổng diện tích thực hiện: 232.7 ha, (trong đó: Diện tích khoanh nuôi tái sinh cây lồ ô có trồng bổ sung là 24,7 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh phục hồi cây lồ ô không trồng bổ sung là 6ha, diện tích giao khoán bảo vệ rừng lồ ô là 202 ha).

- Hỗ trợ kinh phí giao khoán bảo vệ, trồng bổ sung rừng lồ ô năm 2018 cho các hộ gia đình tham gia thực hiện đề án năm 2018 với tổng kinh phí 127.260 triệu đồng.

Qua kiểm tra, nghiệm thu cho thấy tỷ lệ cây trồng sống đạt cao, mật độ cây trồng đạt theo quy định, các hộ rất phấn khởi và tích cực tham gia thực hiện đề án, qua đó đã góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo tại địa phương.

2. Đề án phát triển cây ăn quả (chôm chôm và bưởi da xanh)

Tổng diện tích 79,93 ha (trong đó: bưởi da xanh 57,13ha, chôm chôm 22,8 ha); tổng số được hỗ trợ 308/308 hộ (hỗ trợ 50 % giống, phân bón, thuốc BVTV). Bên cạnh đó, tập trung tập huấn chuyên gia khoa học kỹ thuật các loại cây ăn quả trong chuyển đổi cây trồng và thực hiện đề án như: (06 lớp chôm chôm, 04 lớp bưởi da xanh, 03 lớp sầu riêng, 03 lớp mía tím).

Đã triển khai cấp cây giống và phân bón theo đúng kế hoạch và kịp thời vụ cho người dân. Người dân thường xuyên kiểm tra, chăm sóc (dọn cỏ, bón phân, tưới nước,...) cho cây nên cây sinh trưởng, phát triển tốt. Cán bộ phụ trách Đề án thường xuyên đi kiểm tra nên nắm bắt tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn huyện nhanh chóng và kịp thời.

3. Đề án trồng thử nghiệm cây măng le

Triển khai thực hiện được 3,7 ha, qua kiểm tra cây sống và sinh trưởng tốt. Tuy nhiên do ảnh hưởng của cơn bão số 9 đã bị sạt lở đất và trôi 1,35 ha.

4. Chương trình phát triển du lịch

Đang xây dựng tạo cảnh quan sinh thái của Cây Đa xã Ba Cạm Bắc; cải tạo nâng cấp nhà dài truyền thống dân tộc Raglai tại thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp; xây dựng một số hạng mục hạ tầng cơ sở phục vụ tại thác Tà Gụ. Hoàn thành điều chỉnh âm thanh 02 bộ đàn đá (01 bộ 13 thanh và 01 bộ 09 thanh) đúng chuẩn âm quốc tế để phục vụ lưu diễn, nghiên cứu khoa học và phục vụ khách du lịch. Duy trì hoạt động tốt trang điện tử du lịch Khánh Sơn góp phần quảng bá, giới thiệu một số nét đặc trưng về hoạt động văn hóa du lịch đến du khách đồng thời giao UBND xã Sơn Hiệp phối hợp với trường Trung cấp nghề Cam Lâm mở lớp học về ngành nghề du lịch tại địa phương.

Chương trình đã đạt những thành công bước đầu, quảng bá được danh lam thắng cảnh, đặc sản, văn hóa truyền thống của Khánh Sơn đến bạn bè, du khách gần xa, trong và ngoài nước; tạo động lực cho cán bộ và nhân dân huyện nhà tham gia bảo tồn, gìn giữ nét văn hóa, ý thức bảo vệ môi trường, quảng bá và thu hút đầu tư, mở rộng quy mô từng bước chuyển kinh doanh dịch vụ du lịch, tạo thu nhập.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự hỗ trợ của tỉnh, sự lãnh đạo sâu sát của Huyện ủy, giám sát của HĐND huyện, công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện và sự phối hợp của các ngành, Đoàn thể chính trị - xã hội nên tình hình kinh tế xã hội huyện ổn định và phát triển: Giá trị sản xuất (GTSX) nông - lâm - thủy sản năm 2018 tăng 6,83% so cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 13% so với cùng kỳ, tổng diện tích cây lâu năm tăng 8,36% so với cùng kỳ, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn vượt 38,9% dự toán đầu năm, vượt 21,8% dự toán điều chỉnh, giá trị cước vận tải đạt 145,51% so KH....; các chương trình trọng điểm được triển khai kịp thời, hiệu quả góp phần phát triển kinh tế xã hội của huyện; lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được quan tâm chỉ đạo; chính sách đối với người có công, các chính sách an sinh xã hội được giải quyết kịp thời; công tác cải cách

hành chính, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đấu tranh phòng chống tham nhũng được chú trọng, an ninh chính trị, TTATXH được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như sau:

- Thời tiết những tháng đầu năm nắng hạn làm ảnh hưởng đến diện tích, năng suất, sản lượng của một số loại cây trồng.

- Một số hạng mục công trình XDCB tiến độ thực hiện còn chậm. Do công tác bồi thường GPMB triển khai còn chậm so với tiến độ các công trình.

- Công tác xử lý các hộ dân vi phạm lấn chiếm đất rừng phòng hộ làm nương rẫy, làm nhà chưa được giải quyết dứt điểm còn để tồn đọng kéo dài.

-Việc khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn diễn ra ở một số địa phương trên địa bàn huyện.

- Một số chỉ tiêu về chương trình NTM chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

- Công tác cập nhật chỉnh lý biến động đất đai của các xã, thị trấn chưa được triển khai thường xuyên, kịp thời.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp chưa ổn định, nhỏ lẻ dẫn đến nguồn thu thuế đạt thấp.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát: Năm 2019 thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ của tỉnh Khánh Hòa và các Nghị quyết của HĐND huyện. Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế xã hội. Tiếp tục chuyên giao khoa học kỹ thuật và đẩy mạnh sản xuất; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng; thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào DTTS, chăm lo cải thiện đời sống cho nhân dân.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 5.306 ha.

- Tổng sản lượng lương thực: 3.700 tấn.

- Chăn nuôi:

+ Đàn trâu: 180 con;

+ Đàn bò: 5.000 con;

+ Đàn heo: 5.200 con;

+ Đàn gia cầm: 36.200 con.

- Giá trị sản xuất Nông Lâm nghiệp tăng 10%.

- Trồng rừng sản xuất: 300 ha.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 64%.

- Giá trị sản xuất Công nghiệp -TTCN: tăng 10 %.

- Giá trị dịch vụ thương mại: tăng 13%.

- Thu ngân sách trên địa bàn huyện: 12.680 triệu đồng

- Tổng thu ngân sách huyện: 292.043 triệu đồng (không kể thu chuyển giao), trong đó:

Thu cân đối ngân sách huyện: 292.043 triệu đồng

Ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 8.940 triệu đồng

Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 283.103 triệu đồng.

- Tổng chi ngân sách huyện: 292.043 triệu đồng (không kể chi chuyển giao).

Chi cân đối ngân sách huyện: 292.043 triệu đồng. *Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 34.700 triệu đồng. Chi thường xuyên: 257.343 triệu đồng).*

Tiếp tục triển khai, thực hiện các Chương trình trọng điểm của tỉnh năm 2019 và giai đoạn 2016-2020 như: Chương trình phát triển đô thị, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & Miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chương trình 135, chương trình phát triển nguồn nhân lực.

b) Các chỉ tiêu về Văn hóa - Xã hội:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học 100%; Tốt nghiệp THCS 100%, THPT 95%.

- Mức giảm tỷ suất sinh 0,35 %

- Số hộ nghèo giảm trong năm: 400 hộ.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới: 32,1%.

- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh: 90%.

- Số giường bệnh/1 vạn dân: 37 giường

- Tuyển mới, đào tạo nghề 720 người

3. Nhiệm vụ và những giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019

3.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp:

Nông nghiệp: Duy trì diện tích các loại giống cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng ở địa phương, cho năng suất và giá trị kinh tế cao như: Sầu Riêng, Bưởi, Chôm chôm, Mía Tím, hồ tiêu, cà phê... Khuyến khích thành lập và phát triển mô hình kinh tế trang trại trong sản xuất nông lâm nghiệp. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng khác đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Tiếp tục triển khai và kiểm tra việc thực hiện đề án cây ăn quả (Chôm chôm và Bưởi da xanh). Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng và vật nuôi.

Lâm nghiệp: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, chăm sóc rừng trồng góp phần vào việc bảo vệ môi trường sinh thái, tạo việc làm cho người lao động. Tập trung tuyên truyền cho người dân nhằm nâng cao hiểu biết, hạn chế tình trạng mua bán gỗ rừng trồng khi chưa đến tuổi khai thác. Tiếp tục làm việc với các công ty trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sản phẩm lâm nghiệp để liên kết sản xuất với người dân trồng rừng, để người dân yên tâm sản xuất. Tiếp tục triển khai thực hiện đề án khoanh nuôi và phát triển cây lồ ô, đề án trồng thử nghiệm cây măng le.

3.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ

Sản xuất CN, TTCN: Tiếp tục quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu chuyên canh có chất lượng phục vụ sản xuất công nghiệp - TTCN. Khuyến khích phát triển một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, ngành nghề truyền thống, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư sản xuất trên địa bàn.

Thương mại - Dịch vụ: Thực hiện các biện pháp nhằm tăng tổng mức bán lẻ so với năm 2018; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động Trung tâm Dịch vụ - Thương mại huyện, tổ chức thu mua nông sản, cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số để bảo đảm quyền lợi cho người sản xuất và tiêu dùng; dự trữ hàng hóa phục vụ nhân dân khi có thiên tai, bão lũ và các ngày lễ, tết góp phần bình ổn giá cả thị trường.

3.3. Xây dựng cơ bản

Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn phân cấp và nguồn vốn các chương trình kinh tế - xã hội miền núi, nguồn chương trình phát triển hệ thống đô thị, chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Chương trình 135, Chương trình nước sạch nông thôn, chương trình phát triển nguồn nhân lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục

vụ cho sản xuất, dân sinh; tăng cường quản lý, giám sát chất lượng công trình; thực hiện tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư trên địa bàn huyện; chỉ đạo quyết toán vốn đầu tư theo quy định, thanh toán vốn đầu tư các công trình; tăng cường quản lý trật tự đô thị; kiên quyết xử lý các trường hợp xây dựng không phép; tập trung quản lý tốt các quy hoạch xây dựng trên địa bàn.

3.4. Công tác Tài nguyên & Môi trường, khoáng sản

Hoàn thành công tác cấp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2016-2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2020; thực hiện tốt công tác thống kê đất đai năm 2018, hoàn thành kê khai, đăng ký, cấp GCN QSD đất theo quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016 - 2020 cho UBND các xã, thị trấn làm cơ sở xây dựng phương án phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cho việc thu hồi đất, giao đất đầu tư xây dựng các công trình theo quy hoạch được phê duyệt; tăng cường công tác quản lý đất đai; tăng cường kiểm tra, xử lý hành vi khai thác cát trái phép; tăng cường công tác chính lý biến động đất đai kịp thời; tăng cường công tác quản lý đất rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý không để người dân xâm canh.

Tiếp tục triển khai việc kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực môi trường, khoáng sản; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tự giác bảo vệ môi trường trong toàn dân, đảm bảo cho môi trường xanh - sạch - đẹp.

3.5. Tài chính - Ngân hàng

Tài chính: Kiểm tra, nắm vững doanh thu và tình hình tài chính của các cơ sở kinh doanh để đảm bảo thu đúng, thu đủ; tăng cường công tác thanh kiểm tra quản lý, thu chi ngân sách ở các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn nhằm đảm bảo thu chi đúng quy định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung xây dựng kế hoạch giải pháp tăng cường thu ngân sách, nhất là nợ thuế quá hạn.

Ngân hàng: Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và hộ gia đình vay vốn đầu tư phát triển kinh tế; quan tâm đến các hộ gia đình chính sách được vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn phối hợp với đoàn thể hướng dẫn các hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả.

3.6 Văn hóa - xã hội

- *Giáo dục và Đào tạo:* Tiếp tục thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số học sinh, huy động ra lớp ở tất cả các cấp học. Tổ chức tốt các hoạt động dạy học, giữ vững chất lượng giáo dục; chỉ đạo làm tốt công tác khuyến học khuyến tài. Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở.

- *Y tế, Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ bà mẹ, trẻ em:* Đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản cho người dân. Nâng cao năng lực giám sát phát hiện và khống chế các dịch bệnh, tăng cường các biện pháp kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra liên ngành đối với các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, các cơ sở kinh doanh mỹ phẩm, tuyên truyền vận động người dân tham gia đóng bảo hiểm y tế.

Phấn đấu giảm tỷ suất sinh, giảm tỷ lệ gia tăng dân số, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; bảo đảm 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc thương xuyên.

- *Văn hóa và thông tin, thể dục thể thao:* Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa và thể thao; tuyên truyền phục vụ tốt các ngày lễ và ngày kỷ niệm lớn trong năm; đặc biệt tập trung tuyên truyền mừng đảng, mừng xuân Kỷ Hợi

năm 2019; tổ chức tốt các hoạt động phong trào văn hóa – văn nghệ, hoạt động lễ hội; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về gia đình ở cơ sở; triển khai thực hiện Kế hoạch Chương trình phát triển du lịch Khánh Sơn năm 2019; trong đó, chú trọng phát huy lợi thế của địa phương để kêu gọi đầu tư, phát triển du lịch gắn liền với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

- *Truyền thanh - truyền hình*: Nâng cao chất lượng phát thanh, truyền hình, kịp thời tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với người dân. Duy trì và tăng thời lượng phát thanh bản tin tiếng Việt và tiếng Raglai.

- *Lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội*: Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg và giới thiệu việc làm cho học viên sau tốt nghiệp. Tổ chức điều tra, rà soát các đối tượng mồ côi, người già neo đơn đưa về Trung tâm Bảo trợ xã hội để chăm sóc. Thực hiện tốt các chế độ cho đối tượng chính sách, công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

3.7. Cải cách hành chính, Nội vụ, thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác Nội vụ : Thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, công chức đúng theo quy định; tiếp tục kiện toàn biên chế các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Cải cách hành chính: Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành các quy định về thủ tục hành chính; tiếp tục theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính; trọng tâm là thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại; thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn.

Thanh tra: Tiếp tục thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thanh tra việc quản lý ngân sách tại UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị theo kế hoạch năm 2019; tiếp tục chỉ đạo các cấp các ngành thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và quy định về công tác đấu tranh tham nhũng.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại-tố cáo của công dân; hạn chế khiếu kiện đông người, phát sinh điểm nóng, khiếu kiện vượt cấp.

3.8. Quốc phòng - An ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng: Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng địa phương năm 2018. Chấp hành nghiêm túc công tác sẵn sàng chiến đấu; duy trì tốt chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy từ huyện đến cơ sở. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2019.

An ninh: Triển khai thực hiện các kế hoạch bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao; đẩy mạnh công tác phòng, ngừa, tấn công trấn áp các loại tội phạm góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện các quy định về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị.

3.9. Thực hiện các chương trình trọng điểm

Chương trình NTM: Tiếp tục thực hiện chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện, tuyên truyền sâu rộng vào quần chúng ý thức trách nhiệm và lợi ích khi tham gia chương trình MTQG xây dựng NTM, nhằm hoàn thành một số tiêu chí như kế hoạch đề ra, phân đầu năm 2019 xã Sơn Bình đạt 17 tiêu chí; Sơn Hiệp đạt 16 tiêu chí; Sơn Lâm, Sơn Trung 14 tiêu chí; Ba Cùm Bắc, Thành Sơn đạt 13 tiêu chí; Ba Cùm Nam đạt 12 tiêu chí.

Chương trình phát triển hệ thống đô thị; Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; Chương trình phát triển nguồn nhân lực: Thực hiện hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất cho nhân dân...; tập trung triển khai công tác tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước đúng mục đích để phát triển sản xuất nhằm xóa đói, giảm nghèo bền vững./.

Nơi nhận:

- TT. HƯ, HỖND, UBND huyện;
- Đại biểu HỖND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT *Laot*.



**BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nhuận



CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện		Cùng kỳ	So với kế hoạch
A	B	C	1	2	4	5	6=4/1	7=4/2
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
1	Tổng giá trị sản xuất (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	196,90	216,213	210,071	234,48	<i>106,69</i>	<i>97,16</i>
	<i>Trong đó:</i>							
	+ Giá trị gia tăng ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	157,50	173,25	168,25	190,07	<i>106,83</i>	<i>97,12</i>
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	38,42	41,98	40,83	43,41	<i>106,28</i>	<i>97,27</i>
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	0,99	0,99	0,99	1,00	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
2	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100	100	100	100	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	79,99	80,13	80,09	81,06	<i>100,13</i>	<i>99,96</i>
	- Công nghiệp, xây dựng	"	19,51	19,42	19,44	18,51	<i>99,62</i>	<i>100,11</i>
	- Dịch vụ	"	0,50	0,46	0,47	0,43	<i>93,73</i>	<i>102,92</i>
3	Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn	Tỷ đồng	143,59	162,26	163,48	184,73	<i>113,85</i>	<i>100,75</i>
4	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	9,704	9,360	12,998	12,680	<i>133,94</i>	<i>138,87</i>
	<i>Trong đó:</i>							
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng						
	- Thu nội địa	"	9,704	9,360	12,998	12,680	<i>133,94</i>	<i>138,87</i>
5	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	279,909	264,021	266,47	292,04		<i>100,93</i>
<i>a)</i>	<i>Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý</i>	"	<i>32,877</i>	<i>31,100</i>	<i>31,100</i>	<i>34,700</i>	<i>94,60</i>	<i>100,00</i>
	- Vốn cân đối NS địa phương	"	32,877	31,100	31,100	34,700	<i>94,60</i>	<i>100,00</i>
	Tr đó: đầu tư từ nguồn SD đất	"	0,100	0,500	0,500	0,700	<i>500,00</i>	<i>100,00</i>
<i>b)</i>	<i>Chi thường xuyên</i>	"	<i>247,032</i>	<i>217,675</i>	<i>219,997</i>	<i>257,343</i>	<i>89,06</i>	<i>101,07</i>
	<i>Trong đó:</i>							
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục	"		<i>116,785</i>	<i>117,275</i>	<i>134,823</i>		<i>100,42</i>
	- Chi cho sự nghiệp y tế	"		<i>0,196</i>	<i>0,196</i>	<i>0,217</i>		<i>100,00</i>
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	"		<i>1,229</i>	<i>1,296</i>	<i>1,448</i>		<i>105,45</i>
	- Chi cho quản lý hành chính Nhà nước	"		<i>55,048</i>	<i>55,620</i>	<i>61,081</i>		<i>101,04</i>

CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	ước Thực hiện		Cùng kỳ	So với Kế hoạch
A	B	C	1	2	4	5	6=4/1	7=4/2
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN							
1	Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản (theo giá cố định 2010):	Tỷ đồng	157,50	173,25	168,25	190,07	106,83	97,12
	Trong đó:							
	- Nông nghiệp	"	140,65	154,71	150,12	169,72	106,73	97,03
	- Lâm nghiệp	"	16,10	17,71	17,24	19,43	107,14	97,40
	- Thủy sản	"	0,75	0,83	0,89	0,92	118,17	107,48
2	Trồng trọt							
*	Diện tích gieo trồng		5013	5013	5306	5306	105,84	105,84
	Cây hằng năm	ha	2228	2039	2032	1760	91,20	99,66
	Cây lâu năm	ha	2785	2974	3274	3546	117,56	110,09
*	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	4.742	4.800	4.555	3.700	96,06	94,90
	Trong đó: Thóc	Tấn	538	517	541	346	100,56	104,64
	- Ngô	Tấn	4.204	4.282	4.014	3.354	95,48	93,74
*	- Cây công nghiệp hằng năm							
	+ Mía	ha	302	290	285	273	94,37	98,28
	- Cây công nghiệp lâu năm							
	- Cà phê	ha	695,0	635,0	640,0	550,0	92,09	100,79
	- Tiêu	ha	70,0	63,0	61,0	48,0	87,14	96,83
	- Điều	ha	19,0	15,0	16,0	10,0	84,21	106,67
	- Cây ăn quả	ha						
	+ Sầu riêng	ha	590,0	754,0	962	1.303,0	163,05	127,59
	+ Mít nghệ	ha	70	53	58	49	82,86	109,43
	+ Chuối	ha	911	921	942	900	103,40	102,28
	+ Bưởi	ha	201	273,0	319	395,0	158,71	116,85
	+ Chôm chôm	ha	121,0	155,0	166,0	166,0	137,19	107,10
	+ Mãng cụt	ha	32,0	30,0	32,0	32,0	100,00	106,67
3	Lâm nghiệp		300	300	203,359	300	67,79	67,79
3.1	Trồng mới rừng sản xuất(NS hỗ trợ)	ha	100	138	38,359	138	38,36	27,80
3.2	Nhân dân tự trồng	ha	200	162	165	162	82,50	101,85
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	62	63,1	63,1	63,6	101,77	100,00
4	Chăn nuôi							
	- Trâu	Con	178	180	180	180	101,12	100,00
	- Bò	Con	4.814	5.000	4.863	5.000	101,02	97,26
	- Heo	Con	4.763	5.600	4.738	5.200	99,48	84,61
	- Gia cầm	1,000 Con	32,1	36,2	32,3	36,2	100,62	89,31
B	Công nghiệp - xây dựng							
1	Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng:							
1.1	- Theo giá cố định 2010	Tỷ đồng	38,421	41,981	40,834	43,407	106,28	97,27

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	ước Thực hiện		Cùng kỳ	So với Kế hoạch
A	B	C	1	2	4	5	6=4/1	7=4/2
	<i>Trong đó: Riêng công nghiệp</i>	Tỷ đồng	38,421	41,981	40,834	43,407	106,28	97,27
1.2	<i>- Theo giá hiện hành</i>	Tỷ đồng	50,329	55,070	53,886	56,580	107,07	97,85
	<i>Trong đó: Riêng công nghiệp</i>	Tỷ đồng	50,329	55,070	53,886	56,580	107,07	97,85
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu:							
	+ Sản xuất Nông cụ cầm tay	1000Sf	18,8	21,1	21,28	22,34	112,889	100,87
	+ Sản xuất cơ khí - đồ sắt	1000m2	19,0	21,3	22,12	23,23	116,566	104,08
	+ Mộc dân dụng	m3	1.075,0	1.204,0	812	853,00	75,53	67,44
	+ Xây xát lương thực	tấn	1.046,0	1.172,0	1.221	1.282,00	116,73	104,18
	+ Sản xuất nước đá	tấn	784,0	878,0	1.015	1.066,00	129,46	115,60
	+ Gia công bánh mì	Tấn	86,0	96,0	106	111,00	123,26	110,42
	+ Sản xuất nước tinh khiết	m3	769,0	861,0	907	952,00	117,95	105,34
	+ Khai thác đá chẻ	1000v	302,0	338,2	337	353,85	111,59	99,63
	+ Khai thác cát-sỏi - sạn	1000m3	52,3	52,3	64,920	68,17	124,13	124,13
	+ Khai thác đá dăm và đá lô ca	1000m3	30,253	33,883	31,415	32,99	103,84	92,72
	+ Gạch ngói cimelt	1000v	67,000	75,040	86,000	90,30	128,36	114,61
C	Dịch vụ							
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn (Giá hiện hành)	Tỷ đồng	143,59	162,26	163,48	184,73	113,85	100,75
	Trong đó:							
	+ Trung tâm DVTM	"	11,50	13,00	13,08	14,78	113,74	100,62
	+ Cá thể	"	132,09	149,26	150,40	169,95	113,86	100,76
2	Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	"						
	Trong đó:							
	+ Tài Chính-ngân hàng	"						
	+ Vận tải	"	0,986	0,986	0,986	1,002	100	100,00
	+ Khánh sạn, nhà hàng	"						

CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện		Cùng kỳ	So với Kế hoạch
A	B	C	1	2	4	5	6=4/1	7=4/2
1	Dân số							
	Dân số trung bình	Người	25.000		25.318		101,27	
-	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,52	1,47	1,45	1,45	95,39	98,64
-	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	-0,37	-0,35	-0,35	-0,35	94,59	100,00
2	Lao động và việc làm							
-	Tổng số lao động đang làm việc	Nghìn người	12,100	12,221		12,941		
-	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	"	1,241	1,391	1,441	1,591	116,12	103,59
	Trong đó: nữ	"						
-	Số lao động làm việc ở nước ngoài theo H/Đồng	"	0,005	0,005	0,008	0,005	160,00	160,00
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%		50	66	51,5		132,00
-	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%		63,6	77	64		121,07
3	Giảm nghèo							
-	Tổng số hộ toàn huyện	Nghìn hộ			6838			
-	Số hộ nghèo	Nghìn hộ		2,9	3,015	2,615	#DIV/0!	103,97
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%		5	44,09	38,250	#DIV/0!	881,80
-	Số hộ thoát khỏi nghèo trong năm	hộ	350	300	220	400	62,86	73,33
4	Cung cấp các dịch vụ CSHT thiết yếu							
	- Tổng số xã của toàn huyện	Xã	7	7	7	7	100,00	100,00
	- Trong đó: số xã đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	Xã	2	2	2	2	100,00	100,00
	- Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã	Xã	7	7	7	7	100,00	100,00

- Tỷ lệ % Số xã có đường ô tô đến trung	%	7	7	7	7	100,00	100,00
- Số xã có trạm y tế xã	Xã	7	7	7	7	100,00	100,00
- Tỷ lệ % Số xã có trạm y tế	%	100	100	100	100	100,00	100,00
- Số xã có bưu điện văn hóa	Xã	7	7	7	7	100,00	100,00
- Tỷ lệ % số xã có bưu điện văn hoá xã	%	100	100	100	100	100,00	100,00
- Số xã có chợ xã, chợ liên xã	Xã	3	3	3	3	100,00	100,00
- Tỷ lệ xã có chợ xã, chợ liên xã	%	37,5	37,5	37,5	37,5	100,00	100,00
- Số hộ được sử dụng nước sinh hoạt	hộ	4808	6199	6200	6200	128,95	100,02
- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt	"	88	88	88	90	100,00	100,00
<i>Trong đó:</i>							
+ Khu vực thành thị	%	95	95	95	95	100,00	100,00
+ Khu vực nông thôn	"	80	80	80	90	100,00	100,00
5 Y tế-xã hội							
- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	37	35	35	37	94,59	100,00
- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	5,3	5,5	5,2	5,2	98,11	94,55
- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn QG về y tế	%	12,5	12,5	12,5	12,5	100,00	100,00
Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (theo cân nặng)	%	32,5	33,5	32,4	32,1	99,69	96,72
Tỷ lệ trẻ em <1 tuổi được tiêm chủng đủ liều	Trẻ	97,62	95	95	95	97,32	100,00
- Số xã, tt đạt chuẩn phù hợp với trẻ	Xã, TT	8	8	8	8	100,00	100,00
- Tỷ lệ xã, tt đạt tiêu chuẩn xã, tt phù hợp với trẻ em	%	100	100	100	100		100,00
6 Văn hoá							
- Số xã phường có nhà văn hoá, thư viện	xã, phường	4	5	5	5	125,00	100,00
- Thời lượng phát thanh bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm	48	48	48	48	100,00	100,00
- Số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	Hộ	5.859	6.152	6.152	6.460	105,00	100,00

	- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam	%	90	92	92	93	102,22	100,00
	- Số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	Hộ	6.510	6.836	6.836	7.178	105,01	100,00
	- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam	%	100	100	100	100	100,00	100,00
7	Giáo dục và Đào tạo							
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	6.989	7.350	7.356	7.400	105,25	100,08
	+ Mẫu giáo	"	2.051	2.200	2.194	2.200	106,97	99,73
	+ Tiểu học	"	2.722	2.750	2.788	2.800	102,42	101,38
	+ Trung học cơ sở	"	1.735	1.850	1.889	1.900	108,88	102,11
	+ Trung học phổ thông	"	481	550	485	500	100,83	88,18
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	99,9	99,9	99,9	99,9	100,00	100,00
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%						
	+ Tiểu học	"	89,5	90,0	90,0	90,0	100,56	100,00
	+ Trung học cơ sở	"	89,0	89,0	89,0	89,0	100,00	100,00
	+ Trung học phổ thông	"	98	98	98	98	100,00	100,00
8	Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững							
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	63,1	63,6	63,1	64	100,00	99,21
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sinh hoạt	%	80	88	88	90	110,00	100,00
	- Tỷ lệ dân số thị trấn được cấp nước sinh hoạt	%	95	95	95	95	100,00	100,00
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị	%	90	95	95	96	105,56	100,00